

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HS-ST

Ngày 28 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Đăng Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm

Ông Hoàng Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: Nguyễn Thị L; Tên gọi khác: Hoa; Sinh năm 1966; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Số 24, tổ 2, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 07/10; Con ông Nguyễn Tiến C và bà Nguyễn Thị C1; Chồng: Phạm Xuân H, sinh năm 1963 (bị cáo trong vụ án); Có 03 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 227/HSST ngày 26/10/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt Nguyễn Thị L 10 năm tù về tội "*Tàng trữ, lưu hành tiền giả*", thời hạn tù tính từ ngày 30/5/1999, phạt quản chế 02 năm kể từ sau khi mãn hạn tù và phạt tiền 01

triệu đồng sung quỹ nhà nước. Ngày 22/11/1999 L chấp hành xong hình phạt tiền và án phí, năm 2007 L chấp hành xong hình phạt tù; Bản án hình sự sơ thẩm số 390/2010/HSST ngày 27/9/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Thị L 05 năm tù về tội "*Lưu hành tiền giả*", thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2010. Ngày 21/3/2011 L chấp hành xong tiền án phí, năm 2014 L thi hành hình xong hình phạt tù; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

2- Họ và tên: Phạm Xuân H; Sinh năm 1963; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Số 24, tổ 2, phường M, thành phố B, tỉnh BG; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/10; Con ông Phạm Huy C2 và bà Ngô Thị K; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1966 (bị cáo trong vụ án); Có 03 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 227/HSST ngày 26/10/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt Phạm Xuân H 03 năm tù về tội "*Lưu hành tiền giả*", thời hạn tù tính từ ngày 30/5/1999, phạt quản chế 01 năm kể từ sau khi mãn hạn tù và phạt tiền 500.000 đồng sung quỹ nhà nước. Ngày 20/12/1999 H chấp hành xong hình phạt tiền và án phí; Bản án hình sự phúc thẩm số 1573/HSPT ngày 30/10/2003 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt Phạm Xuân H 16 năm tù, phạt tiền 05 triệu đồng về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Ngày 02/01/2008 H chấp hành xong hình phạt tiền, ngày 27/8/2015 H chấp hành xong hình phạt tù; Bị cáo bị bắt khẩn cấp; tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2017 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L:* Ông Nguyễn Đình Huân - Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Đình Huân - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Xuân H:* Ông Nguyễn Văn Hải - Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Hải và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Chu Phương C2, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Phạm Văn T, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Nguyễn Thị X, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 85, tổ 4, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

4. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 85, tổ 4, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5. Trần Đình V, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 29, ngõ 81, tổ 2, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 40 phút ngày 06/6/2017 tại số 24, tổ 2, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang là nơi ở của vợ chồng Nguyễn Thị L, sinh năm 1966 và Phạm Xuân H, sinh năm 1963; Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang L đang có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Chu Phương C2, sinh năm 1983 ở Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm có: 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, bên trong chứa các cục tinh thể màu trắng, nghi là ma túy tổng hợp dạng đá, do C2 tự giác lấy ở trong túi quần trước bên phải đang mặc ra giao nộp, Tổ công tác đã lập biên bản niêm phong túi nilon ma túy trên vào 01 phong bì ký hiệu "QT"; kiểm tra người L, thu được trong túi quần trước bên trái L đang mặc 400.000 đồng, gồm 02 tờ tiền, 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng có số seri là HP06253592 một mặt tờ tiền có ghi số 78 màu xanh, 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng có số seri là SS13530104.

Ngay sau khi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, hồi 19 giờ 05 phút cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị L và Phạm Xuân H; thu giữ tại đỉnh góc bếp tiếp giáp với khu vườn nhà ở của L 01 túi nilon màu

đen, bên ngoài túi được buộc bằng dây chun nịt màu đen, bên trong túi nilon có các lớp giấy màu trắng, đỏ, xanh; bên trong cùng chứa 02 túi nilon màu trắng được hàn kín, bên trong 02 túi nilon màu trắng đều chứa chất cục bột màu trắng nghi là ma túy Heroine, Cơ quan điều tra đã niêm phong vào 01 phong bì ký hiệu "KX1"; thu giữ 01 khay nhựa màu trắng để trên đỉnh bếp lò trong bếp, trong khay nhựa có 01 túi nilon màu xanh, một đầu có rãnh khóa nhựa, trong túi có chứa 02 viên nén, 01 viên màu hồng đỏ, 01 viên màu nâu, trên mặt mỗi viên nén đều có chữ "WY" nghi là ma túy tổng hợp; 01 cân điện tử màu đen đã qua sử dụng trên vỏ cân có chữ "OPEN"; 01 túi nilon màu trắng, 01 đầu có rãnh khóa nhựa bên trong túi có chứa các túi nilon màu trắng, 01 đầu của mỗi túi đều có rãnh khóa nhựa có viên màu xanh, Cơ quan điều tra đã niêm phong túi nilon màu xanh trong có 02 viên nén nghi là ma túy vào 01 phong bì ký hiệu "KX2". Tại biên bản khám xét khẩn cấp, Phạm Xuân H khai túi nilon màu xanh trong có 02 viên nén, túi nilon màu đen trong có chất cục bột màu trắng và các đồ vật đã thu giữ là của Nguyễn Thị L.

Kết luận giám định số 863 ngày 08/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa trong phong bì ký hiệu "QT" đã được niêm phong gửi giám định là chất ma túy Methamphetamine, có trọng lượng (khối lượng) 0,064 gam. Chất cục bột màu trắng đựng trong 02 túi nilon màu trắng được hàn kín (được gói bọc ngoài bằng các lớp giấy màu trắng, đỏ, xanh, tất cả được đựng trong 01 túi nilon màu đen, bên ngoài được buộc bằng dây chun nịt màu đen) trong phong bì ký hiệu "KX1" đã được niêm phong gửi giám định đều là chất ma túy Heroine, có tổng trọng lượng (khối lượng) 72,859 gam. Hai viên nén, trong đó có 01 viên nén màu hồng đỏ và 01 viên nén màu nâu, trên một mặt của mỗi viên nén đều có chữ "WY" (được đựng trong 01 túi nilon màu xanh, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa) trong phong bì ký hiệu "KX2" đã được niêm phong gửi giám định đều là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng (khối lượng) 0,193 gam. Trên chiếc túi nilon màu đen được đựng trong phong bì niêm phong ký hiệu "KX1" không phát hiện thấy dấu vết đường vân.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị L và Phạm Xuân H khai: Khoảng hơn 10 giờ ngày 06/6/2017, H đi xe máy đến khu vực gằm cầu bê tông Bắc Giang thuộc phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang gặp một thanh niên tự nói tên là G, khoảng 25-27 tuổi, không rõ địa chỉ của G ở đâu. H hỏi G bán cho 01 triệu đồng 1gam (một gam) ma túy đá, G trả lời là không còn đủ 1gam ma túy đá. H đã mua của G 01 túi nilon ma túy đá với giá 400.000 đồng rồi đi về nhà. Về đến nhà, thấy L đang nấu cơm ở bếp, H nói với L là định mua 01 triệu 1gam ma túy đá nhưng không còn đủ nên chỉ mua được của G 400.000 đồng ma túy đá. H mang túi nilon ma túy mua được mang vào trong bếp cất giấu ở nắp thùng gạo. Đến khoảng hơn 17 giờ cùng ngày 06/6/2017, H đang ngồi ở ghế cạnh bàn uống nước kê ở sân trước nhà cùng với con gái là chị Phạm Thị VA, sinh năm 1988 và vợ chồng anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1977 là em gái L, còn L đang bế cháu đứng ở gần đó. Lúc này, Chu Phương C2, sinh năm 1983 ở Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh B đi xe máy chở theo bạn là Phan Văn T, sinh năm 1992 ở cùng thôn đi qua cổng vào sân nhà H, dựng xe máy ở sân khu vực gần với cửa bếp. C2 và T xuống xe, đứng ở sân thì thấy H mặc áo ba lỗ màu vàng, quần đùi màu đen ngồi ở ghế cạnh bàn uống nước kê ở sân, L đang bế cháu đứng ở gần đó. T đi ra gần cổng, C2 cầm theo 01 túi nilon màu xanh trong đựng tùm vải thiều mang theo từ trước đi đến để ở ghế cạnh gốc cây cạnh bàn uống nước rồi đi quay lại cạnh xe máy của mình dựng ở đó thì L bế cháu đi đến. C2 hỏi L bán cho 400.000 đồng ma túy đá rồi lấy trong túi quần đang mặc ra 400.000 đồng gồm 02 tờ tiền 200.000 đồng đưa cho L. L cầm 400.000 đồng C2 đưa cất vào túi quần đang mặc rồi quay ra nói với H “*Anh vào lấy cho cháu cái bốn*”. H đi vào trong bếp lấy túi nilon ma túy đá mua được buổi sáng cất giấu ở nắp thùng gạo mang ra đi đến chỗ L và C2 đang đứng. H đưa cho L 01 túi nilon ma túy để L bán cho C2 rồi đi quay lại ngồi ở ghế cạnh bàn uống nước gần đó. L cầm túi nilon này đưa cho C2, C2 cầm túi nilon nói sao ít thế; L nói hàng bây giờ hiếm không có; C2 cầm túi nilon ma túy đá cất vào túi quần đang mặc; cùng lúc đó, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang.

Chu Phương C2 và Phan Văn T khai, sau khi C2 hỏi mua ma túy đá và đưa 400.000 đồng cho L, L cất tiền vào túi quần đang mặc rồi bảo H lấy ma túy đá, H là người vào bếp lấy túi nilon ma túy đá mang ra sân đưa cho L, L đưa bán túi nilon ma túy đá này cho C2 thì bị bắt quả tang. Ngày 07/6/2017, Cơ quan điều tra đã cho C2, T nhận dạng H qua ảnh; kết quả C2 và T đều nhận dạng được H và đều khẳng định H là người đi vào bếp lấy ra 01 túi nilon ma túy đá đưa cho L để L đưa bán cho C2. Ngày 14/6/2017 Cơ quan điều tra đã cho C2, T thực nghiệm điều tra, kết quả C2 và T đã diễn lại hành vi, tình huống mua bán túi nilon ma túy đá giữa C2 và L, H như đã khai.

Ngày 24/6/2017 Cơ quan điều tra đã cho L thực nghiệm điều tra, kết quả L đã diễn lại hành vi, tình huống L và H bán túi nilon ma túy đá cho C2 như đã khai. Ngày 17/7/2017 Cơ quan điều tra đã cho H thực nghiệm điều tra, kết quả H đã diễn lại hành vi, tình huống đưa túi nilon ma túy đá cho L như đã khai. Ngày 26/9/2017 Viện kiểm sát đã xác minh, chụp ảnh, vẽ sơ đồ nơi ở và nơi thu giữ được ma túy khi khám xét khẩn cấp nơi ở của vợ chồng L, H.

H khai không biết người thanh niên nói tên là G nhà ở, địa chỉ cụ thể ở đâu nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác minh làm rõ. Chu Phương C2 có hành vi mua trái phép 0,064 gam ma túy Methamphetamine mục đích để sử dụng, không đủ định lượng cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 07/6/2017 Cơ quan điều tra đã trả tự do cho C2. Ngày 19/6/2017 Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Giang đã ra Quyết định số 04 xử phạt C2 1.500.000 đồng.

Về 72,859 gam ma túy Heroine, 0,193 gam ma túy Methamphetamine, khay nhựa, cân điện tử và các túi nilon có rãnh khóa nhựa đã thu giữ: Ngay sau khi khám xét thu giữ; H khai số ma túy, khay nhựa, cân điện tử và các túi nilon có rãnh khóa nhựa là của Nguyễn Thị L. L, H đều là những người đã có 02 tiền án (trong đó H đã có tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy). Sau khi thi hành xong hình phạt tù, cả hai về ở cùng bố mẹ là ông Phạm Huy C1, bà Ngô Thị K trong cùng một khuôn viên đất; L, H ở nhà riêng sát cạnh nhà ông C1, bà K; cả hai đều không có việc làm ổn định. Các anh chị em của L, H và các con của L, H đều đã xây dựng gia đình ở riêng;

ngoài vợ chồng L, H thì không còn ai ở chung với ông C1, bà K. Ông C1 đã 90 tuổi, bà K đã 88 tuổi; ông bà đều đã già yếu, bị lẫn, không minh mẫn, tinh táo; ông bà đều không biết gì về việc mua bán trái phép chất ma túy của vợ chồng L, H. Xác minh thấy khu đất, nhà, bếp nơi vợ chồng L, H ở và sinh hoạt là khu nhà đất trong một khuôn viên khép kín bởi tường vảnh lao và tường nhà. Khu bếp nơi thu giữ được số ma túy và đồ vật nêu trên, hàng ngày chỉ có vợ chồng L, H ra vào, ngoài ra không có ai khác. H khai, bản thân không nghiện chất ma túy nhưng thỉnh thoảng vẫn mua ma túy đá về sử dụng. L khai, mục đích mua bán ma túy là do vợ chồng L mới ra tù, không có việc làm ổn định, chưa xây dựng được nhà cửa nên vợ chồng L bàn với nhau mua bán ma túy. Căn cứ kết quả khám xét khẩn cấp, kết quả xác minh nơi ở và nơi thu giữ được ma túy khi khám xét khẩn cấp xác định được Cơ quan điều tra đã thu giữ 0,193 gam ma túy Methamphetamine ở vị trí trên đỉnh bếp lò trong bếp và 72,859 gam ma túy Heroine ở vị trí tại đỉnh góc bếp tiếp giáp với khu vườn nhà ở của L, H. Vì vậy, có căn cứ nhận định 72,859 gam ma túy Heroine, 0,193 gam ma túy Methamphetamine thu giữ được khi khám xét khẩn cấp nơi ở của vợ chồng L, H là của L, H cất giấu nhằm mục đích bán trái phép.

Bản Cáo trạng số 01/KSĐT-AN-MT ngày 15/01/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Thị L và Phạm Xuân H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo chỉ thừa nhận hành vi mua bán trái phép số ma túy bị bắt quả tang, không thừa nhận số ma túy thu giữ được khi khám xét khẩn cấp.

Qua thẩm vấn tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L, Phạm Xuân H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và đề nghị:

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Điều 15; Điều 108 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị L từ 17 năm đến 18 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/06/2017; Bị cáo Phạm Xuân H từ 16 năm đến 17 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/06/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về tài sản, vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì có ký hiệu “QT”, 01 phong bì có ký hiệu “KX1”, 01 phong bì có ký hiệu “KX2”, được niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên Phạm Hữu Nam, bên trong có chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01cân điện tử màu đen, trên mặt có chữ OPEN, cân đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng; 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, bên trong chứa các túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa màu xanh; 01hộp nhựa hình chữ nhật màu trắng.

Trả lại cho bị cáo Phạm Xuân H 01 điện thoại di động màu trắng – đen nhãn hiệu Nokia có số seri: 358253048253515 máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 400.000 đồng là số tiền các bị cáo thu lợi được từ việc bán ma túy cho Chu Phương C2.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư Nguyễn Văn Hải phát biểu luận cứ bào chữa cho bị cáo Phạm Xuân H: Chỉ đủ chứng cứ buộc tội đối với bị cáo H ở lượng ma túy khi bắt quả tang, không đủ căn cứ để truy tố, xét xử kết tội bị cáo ở lượng ma túy Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét khẩn cấp. Đề nghị xử bị cáo H ở khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, đề nghị xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo H đồng ý với lời bào chữa của luật sư và không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo L tranh luận: Bị cáo chỉ thừa nhận lượng ma túy khi bắt quả tang, lượng ma túy Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét bị cáo không thừa nhận.

Kiểm sát viên đối đáp với luật sư bào chữa cho bị cáo H, và đối đáp với bị cáo L: Căn cứ lời khai, Biên bản khám xét khẩn cấp, vật chứng ma túy đã thu giữ, Biên bản xác minh hiện trường thu giữ vật chứng đủ căn cứ chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo theo điểm h khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo không thành khẩn khai báo.

Luật sư Nguyễn Văn Hải và bị cáo L vẫn giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Cùng xin giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, Hội đồng xét xử thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt luật sư Nguyễn Đình Huân - người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L, song bị cáo L có ý kiến đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án, bị cáo L sẽ tự bào chữa và không cần luật sư bào chữa. Sự vắng mặt một số người làm chứng nhưng các bị cáo L, H đều đề nghị Tòa án xét xử và không yêu cầu hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là đúng với khoản 2 Điều 291, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị L và Phạm Xuân H chỉ thừa nhận số ma túy mà Cơ quan điều tra đã thu giữ khi bị bắt quả tang là 0,064 gam methamphetamine, các bị cáo không thừa nhận 72,859 gam ma túy Heroine, 0,193 gam ma túy Methamphetamine thu giữ khi khám xét khẩn cấp tại nhà các bị cáo là của các bị cáo. Tại Cơ quan điều tra lời khai của bị cáo L có lúc khai mục đích mua bán ma túy là do vợ chồng L mới ra tù, không có việc làm ổn định, chưa xây dựng

được nhà cửa nên vợ chồng L bàn với nhau mua bán ma túy, song sau đó L đã thay đổi lời khai không thừa nhận vợ chồng L có bàn với nhau mua bán ma túy như đã khai trước đó.

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu được, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy đã có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 17 giờ 40 phút ngày 06/6/2017, tại Số 24, tổ 2, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện, bắt giữ vợ chồng Nguyễn Thị L, sinh năm 1966 và Phạm Xuân H, sinh năm 1963 có hành vi bán trái phép 01 túi nilon ma túy Methamphetamine có trọng lượng (khối lượng) 0,064 gam với giá 400.000 đồng cho Chu Phương C2, sinh năm 1983 ở Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của vợ chồng L, H thu giữ được 0,193 gam ma túy Methamphetamine ở trên đỉnh bếp lò trong bếp và 72,859 gam ma túy Heroine ở đỉnh góc bếp tiếp giáp với khu vườn nhà ở của L, H. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều không thừa nhận số ma túy thu giữ khi khám xét là của mình. Các bị cáo đều khai gia đình các bị cáo ngoài vợ chồng bị cáo còn có bố mẹ bị cáo và các con, cháu bị cáo, tổng cộng đã 04 thế hệ cùng sinh sống nhiều năm nay trên ngôi nhà đó, con gái bị cáo cũng là người nghiện ma túy đã mất năm 2017, nên không có căn cứ để xác định được số ma túy thu giữ tại bếp ở nhà các bị cáo là của ai. Ngoài ra không có chứng cứ, lời khai nào khác chứng minh được số ma túy thu giữ được tại bếp nhà L, H là của các bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ xác định số ma túy thu giữ được gồm: 0,193 gam ma túy Methamphetamine ở trên đỉnh bếp lò trong bếp và 72,859 gam ma túy Heroine ở đỉnh góc bếp tiếp giáp với khu vườn nhà ở của L, H là của các bị cáo tàng trữ nhằm mục đích mua bán như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý Nhà nước về chất gây nghiện, gây tác hại lớn cho xã hội. Ma túy là hiểm họa của xã hội,

là nguồn gốc phát sinh của nhiều tội phạm, có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, kinh tế, hạnh phúc của con người. Sử dụng trái phép chất ma túy có thể dẫn đến chết người, làm lây truyền căn bệnh thế kỷ HIV-AIDS. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì hám lời đã cố ý phạm tội, các bị cáo đã mua bán trái phép 0,064 gam Methamphetamine. Các bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Thị L, Phạm Xuân H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Không có căn cứ để xét xử các bị cáo theo điểm h khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

[4] Xét về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy:

Đây là vụ án có tính đồng phạm nhưng đồng phạm giản đơn, bản thân các bị cáo đều có 02 tiền án song đây là tình tiết định khung hình phạt tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 nên không là tình tiết tăng nặng. Các bị cáo không có tiền sự, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bố đẻ bị cáo H được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nên bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo L giữ vai trò thứ nhất trong vụ án và phải chịu mức hình phạt cao hơn, bị cáo H giữ vai trò thứ 2 trong vụ án chịu mức hình phạt thấp hơn mức của bị cáo L.

Đối với nhân thân của bị cáo H: Cáo trạng số 01/KSĐT-AN-MT ngày 18/01/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang thể hiện: Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 227/HSST ngày 26/10/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt Phạm Xuân H 03 năm tù về tội "*Lưu hành tiền giả*", thời hạn tù tính từ ngày

30/5/1999, phạt quản chế 01 năm kể từ sau khi mãn hạn tù và phạt tiền 500.000 đồng sung quỹ nhà nước. Ngày 15/11/1999 H được trả tự do theo quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Ngày 20/12/1999 H chấp hành xong hình phạt tiền và án phí. Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang để xác định về việc chấp hành hình phạt chính của Bản án hình sự sơ thẩm số 227/HSST ngày 26/10/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đối với bị cáo H. Tại Công văn số 957/VKS-P1 ngày 17/7/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang có nêu xác minh tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thấy tại sổ lưu hình sự sơ thẩm 1999-2002 có một trang ghi thông tin Phạm Xuân H đặc xá ngày 28/9/2000. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không lưu trữ hồ sơ, quyết định đặc xá đối với Phạm Xuân H. Không có thông tin, hồ sơ, văn bản gì về việc ra Quyết định thi hành án phạt tù, tạm hoãn việc chấp hành hình phạt tù, miễn giảm hình phạt tù đối với Phạm Xuân H. Nên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng số 01/KSĐT-AN-MT ngày 18/01/2018 đã truy tố. Hội đồng xét xử thấy không thể làm rõ thêm được về nhân thân của bị cáo H về vấn đề này nữa.

[5] Căn cứ vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian, để giáo dục riêng đối với các bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa tội phạm về ma túy nói chung.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội mục đích vì lợi nhuận, cần phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, song xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[6] Về nguồn gốc số ma túy đã thu giữ: Theo H khai là số ma túy H mua của người thanh niên tên G ở khu vực gầm cầu bê tông Bắc Giang thuộc phường M, thành phố B. H khai không biết tên tuổi và địa chỉ cụ thể của người thanh niên tên G đã bán ma túy cho H nên Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra làm rõ đối G.

Đối với Chu Phương C2 có hành vi mua trái phép 0,064 gam ma túy Methamphetamine mục đích để sử dụng, không đủ định lượng cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 07/6/2017 Cơ quan điều tra đã trả tự do cho C2. Ngày 19/6/2017 Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Giang đã ra Quyết định số 04 xử phạt C2 1.500.000 đồng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 phong bì có ký hiệu “QT” được niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên Phạm Hữu Nam, bên trong có chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 phong bì có ký hiệu “KX1” được niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên Phạm Hữu Nam, bên trong có chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 phong bì có ký hiệu “KX2” được niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên Phạm Hữu Nam, bên trong có chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định đều là chất nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 cân điện tử màu đen, trên mặt có chữ OPEN, cân đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, bên trong chứa các túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa màu xanh, 01 hộp nhựa hình chữ nhật màu trắng, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động màu trắng - đen nhãn hiệu Nokia có số seri: 358253048253515 máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng thu giữ của bị cáo H, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo H.

Đối với số tiền 400.000 đồng là số tiền các bị cáo có được từ việc bán ma túy cho Chu Phương C2 nên cần tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Án phí: Áp dụng Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L (tên gọi khác: Hoa), Phạm Xuân H phạm tội ‘Mua bán trái phép chất ma túy’.

[1] Căn cứ vào điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

Căn cứ vào điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Xuân H.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị L (tên gọi khác: H) 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2017.

Xử phạt bị cáo: Phạm Xuân H 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2017.

[2] Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì có ký hiệu “QT” được niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên Phạm Hữu Nam, bên trong có chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 phong bì có ký hiệu “KX1” được niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên Phạm Hữu Nam, bên trong có chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; Một phong bì có ký hiệu “KX2” được niêm phong bằng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên Phạm Hữu Nam, bên

trong có chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 cân điện tử màu đen, trên mặt có chữ OPEN, cân đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng; 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, bên trong chứa các túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa màu xanh; 01 hộp nhựa hình chữ nhật màu trắng.

Trả lại cho bị cáo Phạm Xuân H 01 điện thoại di động màu trắng - đen nhãn hiệu Nokia có số seri: 358253048253515 máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 400.000 đồng là số tiền các bị cáo thu lợi được từ việc bán ma túy cho Chu Phương C2.

[3] Án phí: Áp dụng Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Các bị cáo Nguyễn Thị L, Phạm Xuân H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan thi hành án;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS,THS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bạch Đăng Thi

